

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2017/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Nghị quyết về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 4**

(Từ ngày / /2017 đến ngày / /2017)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Nghị định 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tố cáo 2011;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP Ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Thông tư 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Thông tư 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình: số /TTr-UBND ngày tháng năm 2017 của UBND Thành phố về quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban: Kinh tế Ngân sách, Văn hóa xã hội; ý kiến của đại biểu HĐND Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số /BC-UBND ngày / /2017.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội (Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội (Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

3. Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội (Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

4. Quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

5. Quy định mức chi quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 05 kèm theo*).

6. Quy định trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo*).

7. Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo*).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2017.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế khoản 5, khoản 6 Phụ lục số 09 Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố và bãi bỏ các Quyết định số: 621/2013/QĐ-UBND ngày 25/01/2013, 634/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013, 90/2009/QĐ-UBND ngày 16/7/2009, 14/2013/QĐ-UBND ngày 08/5/2013, 41/2010/QĐ-UBND ngày 30/8/2010 và 53/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày / /2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTVQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, LĐTBXH;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHỤ LỤC 01

Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị Quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được quy định tại Điều 20 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cán bộ, công chức tại các trụ sở tiếp công dân và địa điểm tiếp công dân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

- Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

3. Các nội dung, mức chi chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của thành phố Hà Nội:

1. Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân:

a) Đối tượng chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra:

- Cấp Thành phố: 120.000 đồng/ngày/người
- Cấp huyện: 100.000 đồng/ngày/người
- Cấp xã: 60.000 đồng/ngày/người

b) Đối tượng đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra:

- Cấp Thành phố: 100.000 đồng/ngày/người
- Cấp huyện: 80.000 đồng/ngày/người

2. Cán bộ, công chức; sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, quân nhân chuyên nghiệp và nhân viên quốc phòng trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, đảm bảo y tế tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân; Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

- Cấp Thành phố: 60.000 đồng/ngày/người
- Cấp huyện: 50.000 đồng/ngày/người
- Cấp xã: 50.000 đồng/ngày/người

Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Kinh phí đảm bảo chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo thực hiện theo quy định; nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn kinh phí khác (nếu có).

- Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 21 Nghị định 64/2014/NĐ-CP thuộc biên chế trả lương của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm chi trả. Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định 64/2014/NĐ-CP do cơ quan có thẩm quyền mời, triệu tập phối hợp chi trả.

PHỤ LỤC 02

Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị Quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

Thanh tra Thành phố; Thanh tra sở, ngành; Thanh tra quận, huyện, thị xã.

3. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội:

a) Đối với Thanh tra Thành phố:

- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 10 tỷ đồng/năm;
- Được trích bổ sung thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/năm;
- Được trích bổ sung thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 20 tỷ đồng/năm.

b) Đối với Thanh tra sở, ngành; Thanh tra quận, huyện, thị xã:

- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 2 tỷ đồng/năm;
- Được trích bổ sung thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng/năm;
- Được trích bổ sung thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 3 tỷ đồng/năm.

Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC 03

Quy định các nội dung, mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị Quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc thành phố Hà Nội.

3. Các nội dung, mức chi cụ thể bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thuộc Thành phố Hà Nội như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (Đồng)			Ghi chú
			Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát		Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính			
2	Chi tổ chức hội nghị:					
a	Chi tổ chức hội nghị:		Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính			
b	Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo					
	- Chủ trì cuộc họp:	người/ cuộc họp	150.000	100.000	60.000	
	- Thành viên tham dự cuộc họp:	người/ cuộc họp	100.000	80.000	50.000	
	- Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng:	bài viết	500.000	300.000	150.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (Đồng)			Ghi chú
			Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
3	Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập: Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội.	báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn	1.000.000	800.000	500.000	
4	Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội					
	- Thành viên chính thức của đoàn giám sát	người/ ngày	100.000	80.000	50.000	
	- Các thành viên khác	người/ ngày	80.000	50.000	40.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi của Thành phố (Đồng)			Ghi chú
			Cấp Thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	
5	Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao); văn bản kiến nghị: - Báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	báo cáo hoặc văn bản	2.000.000	800.000	400.000	
6	Các khoản chi khác		Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao			

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp đó thực hiện.

PHỤ LỤC 04

Nội dung, mức chi công tác tập trung, tiếp nhận người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh: quy định nội dung, mức chi thực hiện công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

UBND xã, phường, thị trấn; cơ sở bảo trợ xã hội; cơ sở y tế được giao nhiệm vụ thực hiện công tác tập trung, tiếp nhận người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Các nội dung, mức kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang:

(a) Hỗ trợ công tác tập trung người lang thang do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện, mức 365.000 đồng/đối tượng.

(b) Hỗ trợ công tác tập trung, lập hồ sơ, tiếp nhận bàn giao người lang thang do Trung tâm Bảo trợ xã hội thực hiện:

- Kinh phí thực hiện công tác tập trung người lang thang của Trung tâm Bảo trợ xã hội, mức 300.000 đồng/đối tượng.

- Lập hồ sơ, tiếp nhận bàn giao người lang thang, mức 310.000 đồng/đối tượng.

- Chi phí xăng xe đưa người lang thang về Trung tâm Bảo trợ xã hội: 14 lít/ lượt vận chuyển.

- Hỗ trợ người lang thang về địa phương, nơi cư trú: theo thực tế giá vé phương tiện vận tải công cộng.

(c) Chi phí tiếp nhận, vận chuyển; hỗ trợ cơ sở y tế lập bệnh án, liên lạc và điều trị người mắc bệnh tâm thần đi lang thang, người lang thang ốm yếu suy kiệt, mức 2.900.000 đồng/đối tượng/đợt điều trị 10 ngày.

(Chi tiết tại Biểu kèm theo).

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

(a) Ngân sách xã, phường, thị trấn đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ do xã, phường, thị trấn thực hiện.

(b) Ngân sách Thành phố đảm bảo cho công tác quản lý, vận chuyển, điều trị, tiếp nhận, bàn giao cho các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế.

**Biểu mức chi công tác tập trung, tiếp nhận người lang thang
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Kèm theo Phụ lục 04 Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng
năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	NỘI DUNG	Mức hỗ trợ (đồng/đối tượng)
I	Hỗ trợ tập trung người lang thang do UBND xã, phường, thị trấn thực hiện, gồm:	365.000
	- Cán bộ thực hiện kiểm tra, tập trung người lang thang: 3 cán bộ x 100.000đ/cán bộ	300.000
	- Lập hồ sơ, biên bản	5.000
	- Điện thoại liên lạc	10.000
	- Hỗ trợ suất ăn cho đối tượng trong thời gian lưu trú	40.000
	- Vệ sinh địa điểm lưu trú	10.000
II	Hỗ trợ tập trung, tiếp nhận bàn giao người lang thang do Trung tâm Bảo trợ xã hội thực hiện:	
1	Công tác kiểm tra, tập trung người lang thang 3 cán bộ x 100.000 đồng/cán bộ	300.000
2	Công tác tiếp nhận bàn giao, lập hồ sơ người lang thang:	310.000
	- Cán bộ thực hiện: 3 cán bộ x 80.000đ/cán bộ	240.000
	- Thuốc thông thường	10.000
	- Lập biên bản, phiếu lưu, chụp ảnh	20.000
	- Tem thư, giấy báo	10.000
	- Điện thoại liên lạc	20.000
	- Vệ sinh xe chở người lang thang	10.000
3	Vận chuyển:	14 lít/lượt vận chuyển, theo giá xăng thực tế
4	Hỗ trợ người lang thang trở về địa phương, nơi cư trú	Theo thực tế giá vé phương tiện vận tải công cộng
III	Sở Y tế	
1	Chi phí vận chuyển bệnh nhân	200.000
2	Chi lập bệnh án	30.000
3	Chi phí điều trị bệnh nhân (trung bình 10 ngày/đợt)	2.650.000
	- Thuốc	550.000
	- Dịch truyền	50.000
	- Vật tư tiêu hao	150.000
	- Tiền ăn cho bệnh nhân	400.000
	- Tiền giường bệnh	1.500.000
4	Chi phí liên lạc, tìm người thân	20.000

TT	NỘI DUNG	Mức hỗ trợ (đồng/đối tượng)
5	Chi khác (đối với trường hợp bệnh nhân tử vong, không tìm được thân nhân trong vòng 24 giờ)	
	- Trung cầu giám định pháp y: thực hiện theo phiếu thu thực tế của cơ quan giám định pháp y đối với từng trường hợp cụ thể	
	- Mai táng phí: Người lang thang chết tại bệnh viện không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ, áp dụng mức thu thấp nhất theo quy định của Ban Phục vụ lễ tang Hà Nội tại thời điểm tử vong.	

PHỤ LỤC 05

Quy định nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện và cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

- Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Người nghiện ma túy tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy; người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

3. Các nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

3.1. Các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội; thuốc chữa bệnh thông thường là 650.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần: mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp, tối đa là 210.000 đồng/người/lần.

c) Tiền học nghề: Hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp nghề cho đối tượng cai nghiện bắt buộc 2.000.000 đồng/người/khóa học (không hỗ trợ tiền học nghề cho học viên bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ lần thứ 2 trở đi đã được học nghề).

Hình thức học nghề: thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 7 Điều 5 Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

3.2. Các khoản đóng góp đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện trên địa bàn Thành phố không thuộc đối tượng được Thành phố hỗ trợ kinh phí phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở cơ sở cai nghiện, gồm các khoản chi phí sau:

- a) Tiền ăn: 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.
- b) Vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện là nữ): 0,45 lần mức lương cơ sở/người/6 tháng.
- c) Tiền thuốc cắt cơn, thuốc thông thường; xét nghiệm phát hiện chất ma túy: 650.000 đồng/người/6 tháng.
- d) Tiền hoạt động, văn hóa, thể thao: 10.000 đồng/người/tháng.
- đ) Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

3.3. Cai nghiện tại gia đình, cộng đồng: Chi hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; chế độ đóng góp và miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng

- a) Chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: mức tối đa là 350.000 đồng/người/tháng.

Số lượng thành viên Tổ công tác cai nghiện ma túy: thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/09/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

- b) Các khoản đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc và tự nguyện tại cộng đồng

- Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người.

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: Nếu cai cắt cơn bằng thuốc Cedemex: 600.000 đồng/người. Nếu cai cắt cơn bằng thuốc Bông Sen: 2.700.000 đồng/người/đợt điều trị.

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

- Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTĐ-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội-Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

c) Chế độ miễn, giảm: Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng:

- Chế độ miễn: Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật; ngoài tiền thuốc, tiền ăn được hỗ trợ trong thời gian cai nghiện tập trung còn được miễn một số khoản chi phí như sau:

+ Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người.

+ Tiền thuốc cai nghiện ma túy (phần chênh lệch giữa trách nhiệm đóng góp và chế độ hỗ trợ): 200.000 đồng/người.

+ Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTĐ-BGD&ĐT-BYT ngày 18/01/2006 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.

- Chế độ giảm: Đối với người thuộc hộ cận nghèo được giảm 50% các khoản đóng góp cho nội dung chi phí, cụ thể người cai nghiện ma túy hoặc gia đình có trách nhiệm đóng góp như sau:

+ Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 100.000 đồng/người.

+ Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: 100.000 đồng/người/lần chấp hành

+ Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): đóng góp 50% chi phí (nếu có).

+ Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 20.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

4.1. Kinh phí chi hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng; chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai

nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4.2. Kinh phí chi tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội, thuốc chữa bệnh thông thường; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần; tiền học nghề cho học viên cai nghiện bắt buộc được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách Thành phố hàng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

PHỤ LỤC 06

Quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định chính sách trợ cấp hàng tháng cho người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động là thành viên trong gia đình thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng: Người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội.

3. Mức trợ cấp: 350.000 đồng/người/tháng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí trợ cấp cho người thuộc hộ nghèo là người già yếu không có khả năng tự phục vụ và người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động của thành phố Hà Nội do ngân sách quận, huyện, thị xã đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao hàng năm.

PHỤ LỤC 07

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội

*(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức phân bổ được áp dụng cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo nghị quyết, quyết định do HĐND, UBND các cấp thuộc thành phố Hà Nội ban hành.

3. Định mức kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

- Thành phố là 10 triệu đồng/văn bản;
- Quận, huyện, thị xã là 8 triệu đồng/văn bản;
- Xã, phường, thị trấn là 6 triệu đồng/văn bản;

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung thì định mức phân bổ bằng 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế;

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và các quy định hiện hành.

4. Về nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện

Kinh phí thực hiện xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.